HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN VIỆT NAM (VDB) THEO TIÊU CHUẨN ESG - THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

ThS. Ngô Văn Tuấn*

Nghiên cứu này đánh giá tác động trong mối quan hệ giữa ESG, quản trị và hiệu quả trong hoạt động của Ngân hàng Phát triển Việt Nam (VDB. Trải qua 20 năm hoạt động tín dụng chính sách của Nhà nước, việc tích hợp ESG giúp VDB nâng cao năng lực quản trị rủi ro, mở rộng tiếp cận vốn, hợp tác quốc tế và gia tăng giá trị thương hiệu. Nghiên cứu cũng chỉ ra một số gợi ý trong hoàn thiện thể chế và công nghệ ESG của VDB, hiện thực hóa mục phát triển bền vững.

• Từ khóa: *ngân hàng phát triển, tín dụng chính sách của nhà nước, phát triển bền vững.*

Sustainable development linked with international economic integration is an inevitable trend today, the banking and financial system is the lifeblood of the economy and the nation, and it needs to aim for long-term value, balancing Economic - Social - Environmental aspects, through this, it enhances credibility and capacity in the era of "Green - Digital - Transparent" and ESG has become a standard and benchmark for banks to manage and operate their activities. In this article, the author assesses the impact in the relationship between ESG, governance and the performance of the Vietnam Development Bank (VDB) over 20 years of the State's policy credit operations. Integrating ESG helps enhance risk management capabilities, expand access to capital, foster international cooperation and increase brand value. The article also provides some suggestions for improving VDB's ESG framework and technology to realize sustainable development goals.

• Key words: *development bank, state's policy credit, sustainable development.*

Ngày nhận bài: 01/12/2025
Ngày gửi phản biện: 17/01/2026
Ngày duyệt đăng: 17/02/2026

DOI: https://doi.org/10.71374/jfarv.v26.i308.18

Đặt vấn đề

Ngân hàng Phát triển Việt Nam (VDB) là ngân hàng chính sách của Chính phủ, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, nhiệm vụ mục tiêu là thực hiện tín dụng chính sách (TDCS) của Nhà nước. VDB được thành lập và đi vào hoạt động từ giữa năm 2006, cho đến nay hoạt động của VDB đã đem lại nhiều kết quả to lớn cho phát triển kinh tế-xã hội quốc gia. Nếu xét trên phương diện chính sách vĩ mô của Nhà nước, hiệu quả hoạt động của VDB thể hiện trên cả hai khía cạnh: Hiệu quả kinh tế và Hiệu quả xã hội.

Như vậy, ngay trong chính sách và việc thực thi chính sách, VDB đã thể hiện được định hướng hoạt động không chỉ vì lợi nhuận, mà còn tạo ra giá trị xã hội và môi trường, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển bền vững của đất nước. Đây cũng là tiêu chí của mô hình ESG ngày càng trở thành tiêu chuẩn quan trọng trong hoạt động của các ngân hàng. Khi thực hiện ESG, không chỉ thực hiện trách nhiệm của mình với xã hội mà còn là kim chỉ nam giúp VDB cân bằng giữa mục tiêu kinh tế và lợi ích cộng đồng, môi trường.

ESG và vai trò của ESG đối với VDB

ESG ban đầu được đề cập trong một ấn phẩm của nhà kinh tế học Hoa Kỳ Howard Bowen vào năm 1953 dưới dạng CSR (Corporate Social Responsibility - trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp trong hoạt động sản xuất - kinh doanh) và thuật ngữ ESG xuất hiện lần đầu vào năm 2004 trong một bản báo cáo của Liên hợp Quốc có tên "Who cares wins". ESG là một khung tiêu chuẩn dùng để đánh giá các yếu tố liên quan đến môi trường, xã hội và quản trị trong các hoạt động của doanh nghiệp, bao gồm: cách thức tổ chức, quản lý và vận hành của doanh nghiệp. Các doanh nghiệp tích hợp các tiêu chuẩn này vào chiến lược kinh doanh không chỉ giúp doanh nghiệp gia tăng uy tín, mà còn giúp họ nắm bắt cơ hội tăng trưởng và giảm thiểu rủi ro dài hạn.

ESG hiện đảm nhiệm 04 vai trò chính trong quản trị ngân hàng: (i) Bộ lọc rủi ro tổng hợp, nhận diện rủi ro phi tài chính theo khung ISSB

** Chánh văn phòng Đảng ủy - Ngân hàng Phát triển Việt Nam*

- TCFD; (ii) Công cụ quản trị vốn, tích hợp yếu tố ESG vào khẩu vị rủi ro (RAF), ICAAP và mô hình định giá tài sản gắn rủi ro khí hậu; (iii) Nền tảng minh bạch thông tin, thông qua báo cáo GRI, IFRS S1-S2; (iv) Lợi thế cạnh tranh chiến lược, giúp ngân hàng tiếp cận vốn xanh, phát hành trái phiếu bền vững và cải thiện xếp hạng tín nhiệm.

Tại VDB, ESG đã định hướng hoạt động của ngân hàng theo mục tiêu phát triển bền vững, với sứ mệnh thúc đẩy tăng trưởng kinh tế gắn liền với tiến bộ xã hội và bảo vệ môi trường, VDB đã lựa chọn và tài trợ cho những dự án có sự lan toả với xã hội, thân thiện với môi trường, sử dụng năng lượng sạch và ít phát thải. VDB rất coi trọng yếu tố "môi trường" trong quá trình thẩm định và cấp tín dụng, hạn chế cho vay các dự án có nguy cơ gây ô nhiễm hoặc ảnh hưởng lớn đến tài nguyên thiên nhiên. Khi áp dụng ESG, VDB còn góp phần tăng cường trách nhiệm xã hội, đó là thông qua định hướng hỗ trợ các chương trình xóa đói giảm nghèo, thúc đẩy bình đẳng giới, nâng cao tiếp cận tài chính cho nhóm yếu thế và phát triển nông thôn. VDB đã thể hiện rõ vai trò tiên phong trong việc tạo ra giá trị xã hội, nâng cao được hình ảnh, uy tín và củng cố được niềm tin của khách hàng, đối tác và cộng đồng quốc tế. Trong quản trị, ESG đã giúp VDB nâng cao hiệu quả điều hành và quản lý rủi ro. Việc tuân thủ các nguyên tắc quản trị minh bạch, liêm chính và có trách nhiệm giúp giảm thiểu rủi ro pháp lý, rủi ro đạo đức và rủi ro uy tín. Đồng thời, các tiêu chí ESG tạo nên khung quản lý rủi ro toàn diện, giúp phát hiện sớm những tác động tiêu cực từ các yếu tố môi trường - xã hội đối với hoạt động kinh doanh.

Thực tiễn triển khai ESG tại VDB

Kết quả đã đạt được

Trong quá trình cho vay, các dự án sử dụng vốn TDCS của Nhà nước qua VDB đã góp phần đáng kể trong tăng trưởng kinh tế, tăng thu nhập quốc nội, tăng nguồn thu cho ngân sách Nhà nước, tăng tích luỹ cho các doanh nghiệp, tạo việc làm và ổn định việc làm cho người lao động. Một số kết quả đối với nền kinh tế có thể kể đến như sau:

Thứ nhất, Cung ứng lượng vốn tín dụng lớn đáp ứng nhu cầu đầu tư phát triển của nền kinh tế, tạo sự lan toả trong cộng đồng. Thông qua huy động và tài trợ vốn cho các dự án đầu tư, đặc biệt các dự án trọng điểm của Chính phủ, VDB đã có những đóng góp vào sự nghiệp phát triển kinh tế, xã hội của đất nước. Số vốn TDCS của Nhà nước giải ngân của VDB đến nay chiếm khoảng 5% tổng vốn đầu tư toàn xã hội và khoảng 2% tổng sản phẩm quốc nội; tốc độ tăng trưởng tổng dư nợ vốn tín dụng bình quân giai đoạn 2006-2024 đạt 7,8%/năm.

Thứ hai, Góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa, bảo vệ môi trường. Thực hiện mục tiêu chiến lược chuyển dịch cơ cấu nền kinh tế theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa, bảo vệ môi trường, vốn TDCS của Nhà nước qua VDB đã có những bước chuyển biến hết sức căn bản và mạnh mẽ về cơ cấu vốn đầu tư theo lĩnh vực ngành nghề, theo hướng tăng nhanh tỷ trọng vốn dành cho đầu tư phát triển các dự án công nghiệp nặng, công nghiệp hóa nông nghiệp nông thôn và hiện đại hóa công nghiệp nhẹ, xử lý rác thải, trong đó có chú trọng đến công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản. Tỷ lệ vốn tín dụng của VDB thực hiện đối với lĩnh vực công nghiệp, xây dựng, rác thải luôn tăng nhanh, duy trì mức bình quân hơn 70% dư nợ vào lĩnh vực này; luôn cao hơn tỷ lệ vốn đầu tư của toàn xã hội trong cùng lĩnh vực, đồng thời thu hút thêm được các nguồn vốn khác trên thị trường cùng cho vay đầu tư các dự án phát triển. Đặc biệt, các dự án nhóm A vay vốn của VDB trên phạm vi cả nước thì hầu hết đều thuộc lĩnh vực công nghiệp cơ bản (xi măng, thép, điện, giấy, phân bón, chế biến cao su, cơ khí, vệ tinh viễn thông) và xử lý rác thải với tổng số vốn vay chiếm khoảng 50% tổng mức đầu tư, từ đó có tác động tích cực đến tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, bảo vệ môi trường cho các vùng miền và cả nước. Bên cạnh đó, nguồn vốn TDCS của Nhà nước qua VDB cũng góp phần quan trọng đáp ứng nhu cầu đầu tư mới, sửa chữa, thay thế khôi phục tài sản cố định, cải tiến kỹ thuật, đổi mới quy trình công nghệ, xây dựng mới các công trình hạ tầng kinh tế kỹ thuật và xã hội. Nhờ có nguồn vốn dài hạn với lãi suất ưu đãi, một số ngành như điện lực, hóa chất, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, xử lý rác thải, chế biến nông lâm thủy sản... đã có những bước tiến vượt bậc, góp phần quan trọng vào tăng trưởng kinh tế đất nước.

Thứ ba, Tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật, năng lực sản xuất của nền kinh tế, phát triển nông nghiệp nông thôn, bảo đảm an sinh xã hội, tạo việc làm cho người lao động. Các chương trình/dự án trọng điểm nổi bật đã sử dụng vốn TDCS của Nhà nước tại VDB đã tăng cường cơ sở vật chất kinh tế cho nền kinh tế, có thể kể đến thủy điện Sơn La, thủy điện Lai Châu và các dự án lớn nhỏ về ngành điện (bao gồm cả sản xuất và phân phối điện), các nhà máy xi măng, luyện thép, cơ khí trọng điểm, vệ tinh Vinasat, phân bón DAP Hải Phòng, Đạm Ninh Bình, Đạm Hà Bắc, Apatit Lào Cai, Đạm Cà Mau, Điện gió Bạc Liêu... Quy mô tài trợ cho các dự án nhóm A tăng mạnh, góp phần không chỉ tạo động lực phát triển cho các ngành/lĩnh vực trọng điểm theo chủ trương của Chính phủ mà còn tạo hiệu ứng lan tỏa phát triển vùng/miền và các ngành thương mại, sản xuất vật liệu và hỗ trợ. Một số lĩnh vực cho vay chủ yếu như: ngành điện, xi măng, hóa chất, đóng tầu, đóng toa xe lửa, chế biến nông sản và thủy sản, đầu tư phát triển nông nghiệp, nông thôn, tạo ra nhiều việc làm cho người lao động, góp phần tăng cường bảo đảm an sinh xã hội cho các vùng miền, nhất là các vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn...

Khó khăn, thách thức

Việt Nam đang thiếu khung pháp lý cụ thể về ESG, cũng như còn hạn chế về năng lực đánh giá rủi ro môi trường - xã hội, và cũng chưa có hệ thống chỉ tiêu thống nhất. Tuy nhiên, hoạt động TDCS của Nhà nước tại VDB luôn hướng tới các yêu cầu về quản trị, xã hội và môi trường ngay từ lúc hoạch định chính sách tín dụng và giai đoạn triển khai nó. Tuy còn khá mới mẻ nhưng hiệu quả mang lại cho ngân hàng là đáng kích lệ.

Việc thu thập các dữ liệu thường xuyên, một hệ thống báo cáo đầy đủ về các yếu tố ESG, cũng như việc công bố thông tin chưa được thực hiện đã làm giảm tính minh bạch tại VDB. Hơn nữa, việc đầu tư công nghệ hiện đại, bổ sung nguồn lực chất lượng cao tại ngân hàng đã triển khai nhưng đang gặp rất nhiều khó khăn do hạn chế về tài chính, mức thu nhập chung của cán bộ nhân viên đang ở mức thấp nhất hệ thống ngân hàng. Tuy vậy, VDB đã xây dựng lộ trình hiện đại hóa công nghệ và tổ chức truyền thông nhằm thu hút nhân tài, trong quá trình triển khai thực hiện sẽ có những điều chỉnh phù hợp.

Các yếu tố liên quan đến xã hội và môi trường khó đo lường bằng các con số cụ thể nên việc đánh giá mới dừng ở một số đóng góp cho xã hội và bảo vệ môi trường, kết quả VDB đạt được còn khiêm tốn nhưng cũng đáng để ghi nhận, trong đó: Hiệu quả kinh tế thể hiện ở kết quả hoạt động cho vay TDCS của Nhà nước những năm qua đã đáp ứng được mục tiêu kinh tế của vốn đầu tư theo đúng định hướng phát triển kinh tế từng thời kỳ của đất nước; Hiệu quả xã hội được thể hiện ở các lợi ích xã hội do hoạt động TDCS của Nhà nước mang lại, như: tạo việc làm; đảm bảo về phát triển bền vững, bảo vệ môi trường; góp phần củng cố an ninh quốc phòng, bảo đảm trật tự an toàn xã hội...

Một số gợi chiến lược thúc đẩy ESG tại VDB

Thứ nhất, cần hoàn thiện thể chế và khung pháp lý

VDB cần chủ động đề xuất hoàn thiện khung pháp lý và hướng dẫn thực hiện ESG trong lĩnh vực ngân hàng, nhất là có tính đến nét đặc thù của các Ngân hàng chính sách, trong đó phải coi trọng bộ tiêu chí về ESG cho VDB, xây dựng các tiêu chí quản lý rủi ro môi trường - xã hội trong hoạt động tín dụng. Việc đề xuất Nhà nước ban hành bộ chỉ số ESG chuẩn sẽ giúp VDB có căn cứ rõ ràng để đánh giá và giám sát. Trong đó cần lưu ý: (i) Chính sách quản trị rủi ro ESG (ESMS) cập nhật theo Principles for the Effective Management and Supervision of Climate-related Financial Risks và Corporate Governance Principles for Banks, cùng IFC Performance Standards (PS1-PS8). Chính sách này lồng ghép tiêu chí môi trường - xã hội - quản trị vào khẩu vị rủi ro (RAF); (ii) Chính sách công bố thông tin ESG theo IFRS S1-S2 (ISSB, 2023) và GRI 2024, hướng tới minh bạch dữ liệu có kiểm chứng và đảm bảo khả năng so sánh xuyên biên giới. BIDV chuẩn hóa báo cáo ESG ba lớp: nội bộ, thường niên và PTBV độc lập, có kiểm toán bởi EY hoặc PwC; (iii) Cơ chế giám sát ESG nội bộ dựa trên mô hình "Ba tuyến phòng thủ", phân quyền giữa đơn vị vận hành, khối quản trị rủi ro và kiểm toán nội bộ, đồng thời tích hợp ESG Monitoring Dashboard theo SupTech ESG Portal của NHNN; (iv) Cơ chế thưởng - phạt ESG-linked gắn trách nhiệm HĐQT, Ban điều hành và

lãnh đạo khối nghiệp vụ với kết quả ESG định lượng, chuyển từ "đạo đức khuyến khích" sang "trách nhiệm pháp lý - tài chính", theo OECD và hướng dẫn thực thi ESG của IFC.

Thứ hai, cần chuẩn hóa dữ liệu và hệ thống báo cáo ESG

Dữ liệu là trụ cột sống của quản trị ESG hiện đại. VDB cần mở rộng ESG Data Hub, liên thông với cơ sở dữ liệu quốc gia. Bộ chỉ số dữ liệu ESGgồm năm nhóm trọng yếu: (i) Green Asset Ratio (GAR) và Green Lending Intensity, phản ánh tỷ trọng TDX theo chuẩn IFC-EU Taxonomy; (ii) Scope 1-2-3 Emissions & Climate Exposure, đo lường phát thải và rủi ro khí hậu danh mục tín dụng; (iii) Portfolio Alignment & Climate Stress Testing, đánh giá tương thích danh mục với mục tiêu Net Zero 2050 theo Principles for the Effective Management and Supervision of Climate-related Financial Risks; (iv) Social Impact Index & DEI Score, phản ánh tác động xã hội và bình đẳng giới; (v) Governance Integrity & Transparency Index, đánh giá công bố thông tin và quản trị nội bộ theo OECD Guidelines for Multinational Enterprises on Responsible Business Conduct. Hệ thống dữ liệu vận hành qua API mở, nền tảng RegTech-SupTech ESG và AI-driven Analytics, tự động hóa đối soát, báo cáo, giám sát và cảnh báo sớm rủi ro khí hậu - xã hội, hướng tới chuẩn hóa dữ liệu ESG thời gian thực. Mục tiêu là chuyển dữ liệu ESG từ báo cáo định kỳ sang giám sát liên tục, bảo đảm minh bạch, khả năng kiểm toán độc lập và tương thích quốc tế.

Thứ ba, cần nâng cao hơn nữa năng lực chuyên môn và nhận thức về ESG cho cán bộ của ngân hàng

Không có ESG nếu thiếu nhân lực hiểu, vận hành và truyền dẫn, cần thành lập Học viện ESG (BIDV ESG Academy), mô hình đầu tiên trong hệ thống ngân hàng Việt Nam, liên kết với các trung tâm đào tạo có uy tín để tổ chức các khóa đào tạo, chia sẻ kinh nghiệm quốc tế và các công cụ đánh giá rủi ro ESG, giúp cán bộ tín dụng, thẩm định hiểu rõ cách lồng ghép các tiêu chí ESG trong quy trình cấp tín dụng, kiểm tra và giám sát vốn vay. Chương trình đào tạo và chứng nhận năng lực ESG ba tầng tích hợp: (i) Cấp lãnh đạo: đào tạo chuyên sâu về quản trị chiến lược ESG, đạo đức tổ chức, quản trị rủi ro khí hậu và giám sát ESG trong Ban lãnh đạo, phù hợp chuẩn Basel; (ii) Cấp chuyên gia: đào tạo thực hành theo các chuẩn IFRS S1-S2, TCFD Scenario Analysis, ESG Risk Quantification & Stress Testing, và IFC ESG Toolkit (2024), giúp cán bộ định lượng, báo cáo và giám sát ESG theo thông lệ quốc tế; (iii) Cấp toàn hệ thống: triển khai chương trình cập nhật, phổ cập tri thức ESG, kỹ năng DEI (Diversity - Equity - Inclusion) và trách nhiệm xã hội nghề nghiệp (CSR 2.0), hướng tới xây dựng văn hóa ESG gắn hành vi và hiệu suất công việc, hình thành mạng lưới chuyên gia ESG nội bộ, làm nòng cốt triển khai và tham gia tư vấn chính sách.

Thứ tư, cần tăng cường hợp tác quốc tế và liên kết đa ngành

ESG chỉ thực sự bền vững khi được kết nối trong mạng lưới toàn cầu và khu vực. VDB cần mở rộng hợp tác chiến lược với các định chế phát triển và tổ chức quốc tế, tham gia sâu hơn vào các sáng kiến toàn cầu như Net-Zero Banking Alliance (NZBA), ASEAN ESG Benchmarking, Sustainable Banking Network (SBN) và ASEAN Taxonomy for Sustainable Finance (2024). Chủ động hơn nữa trong việc tham gia vào các sáng kiến tài chính xanh toàn cầu, hợp tác với WB, ADB, IFC, triển khai thật hiệu quả Quỹ Khí hậu Xanh (GCF) đã được chỉ định, qua đó sẽ tiếp cận được nhiều nguồn vốn và công nghệ hỗ trợ quản trị ESG. Những hợp tác này không chỉ giúp ngân hàng tiếp cận nguồn vốn xanh - xã hội ưu đãi mà còn tiếp nhận tri thức, chuẩn mực quản trị ESG và công nghệ SupTech - RegTech toàn cầu, qua đó nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế.

Tài liệu tham khảo:

Asian Development Bank - ADB (2023). Green and Social Finance Progress in ASEAN: 2023 Update. Manila: ADB Publishing.

Chính phủ (2025), Nghị định số 95/2025/NĐ-CP ngày 29/4/2025 về tổ chức và hoạt động của VDB.

Chính phủ (2023), Nghị định số 78/2023/NĐ-CP ngày 07/11/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 32/2017/NĐ-CP ngày 31/3/2017 của Chính phủ về tín dụng đầu tư của Nhà nước.

Liên Hiệp quốc (2004), "Who Cares Wins" Connecting Financial Markets to a Changing World, https://documents1.worldbank.org/curated /en/280911488968799581/ pdf/113237-WP-WhoCaresWins-2004.pdf

Ngân hàng Phát triển Việt Nam (2024), Báo cáo tình hình hoạt động của VDB giai đoạn 2017 - 2024.

OECD (2023). Responsible Business Conduct for Banks: OECD Guidelines for Multinational Enterprises (Banking).

World Bank (2024). Green Finance and ESG Practices in Emerging Markets.